

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MS  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-12-2022  
V/v xin ly hôn giữa chị T và anh Q

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Tráng A Tênh

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Đức Việt
- Ông Cầm Văn Tô

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La;

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị T, sinh năm 1998. Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã TH, huyện MS, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Bản V, xã CC, huyện BY, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản M, xã TH, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Hoàng Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2017 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã CV, huyện BY, tỉnh Sơn La theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2017. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chung sống hòa thuận hạnh phúc được hai năm thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng không còn tình cảm, gia đình không hòa thuận. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải cho nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị xác định chị và anh Q đã không thể hàn gắn được tình cảm nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Việt V, sinh ngày 19/3/2017. Từ khi ly thân cháu V sống cùng với anh Q. Khi ly hôn chị nhất trí giao cháu V cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng. Chị sẽ hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q theo khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Do ở xa, không thuận tiện trong việc đi lại nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử theo quy định.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập anh Q đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh Q không có mặt cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị T, anh Q tại địa phương nơi anh chị cư trú. Qua xác minh xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa chị T và anh Q bắt đầu từ năm 2019 khi chị T và anh Q đi làm thuê xa nhà và có mâu thuẫn về tình cảm nên chị T không quay về nhà cùng anh Q nữa. Chị T, anh Q có 01 con chung là cháu Hoàng Việt V sinh năm 2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V sống cùng anh Q tại bản M, xã TH. Anh Q đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng.

Do nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các Q và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Việt V, sinh ngày 19/3/2017 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T do là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Đinh Thị T về việc xin ly hôn với anh Hoàng Văn Q. Anh Q có hộ khẩu thường trú tại bản M, xã TH, MS, Sơn La. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến ly hôn, con chung của vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về yêu cầu xin ly hôn:**

**[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2017. Anh chị đã được UBND xã CV, huyện BY, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/02/2017 (số 02). Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, gia đình không hòa thuận nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 6/2019, không quan tâm đến nhau.

Anh Q không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Qua xác minh tại chính Q địa phương nơi các đương sự sinh sống xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q xuất phát từ việc hai anh chị cùng đi làm thuê xa nhà rồi có mâu thuẫn về chuyện tình cảm nên chị T không về nhà cùng anh Q nữa mà về sống tại nhà bố mẹ đẻ từ giữa năm 2019 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh Q đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị T xác định không còn tình cảm với anh Q và có yêu cầu xin ly hôn. Anh Q dù đã được Tòa án tổng đạt thông qua đại diện chính Q địa phương và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, cũng không có liên lạc hàn gắn tình cảm với chị T. Xét tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét vắng mặt chị T giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị T và anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Hoàng Việt V, sinh ngày 19/3/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 6/2019) cháu V sống cùng anh Q. Chị T tự nguyện tiếp tục giao cháu V cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ hỗ trợ nuôi con cùng anh Q theo khả năng. Qua xác minh tại chính Q địa phương, anh Q đủ điều kiện nuôi con chung của vợ chồng. Xét ý kiến tự nguyện của chị T và để đảm bảo Q lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên của vợ chồng khi ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hoàng Việt V cho anh Q

trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu V trưởng thành và có khả năng lao động. Do anh Q không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nên việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí:* Chị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn Q.

2. Về con chung:

Giao cháu Hoàng Việt V, sinh ngày 19/3/2017 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị T được Q thăm nom con, không ai được cản trở chị T được thực hiện Q này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Các đương sự được Q khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

5. Về Q kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CV ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tráng A Tênh**